

Bản án số: 288/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2024

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết;

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Khánh Sơn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 239/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Hà T**, sinh năm 1999; địa chỉ: **Thôn F, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **CHOI MOONGI**, sinh năm 1979; hiện cư trú: 588 Nojeon-ri, Gwangsi-myeon, Yesan-gun, **C-do, K** (Hàn Quốc); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2024 và bản tự khai đề ngày 23/8/2024, nguyên đơn (chị **Trần Thị Hà T**) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thông qua cô họ tên là **Trần Thị H** đang lao động tại Hàn Quốc giới thiệu nên chị **T** có quen biết với anh **CHOI MOONGI**. Sau đó anh **CHOI MOONGI** có về Việt Nam thăm chị **T** hai lần vào tháng 01/2019 và tháng 4/2019. Trong thời gian quen biết với anh **CHOI MOONGI** thì chị **T** có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến việc có thai và sinh con là **Trần Duy A**, sinh ngày 24/10/2019 (Giấy khai sinh của cháu **Trần Duy A** không ghi thông tin về người cha).

Do dịch bệnh Covid19 diễn biến phức tạp nên anh **CHOI MOONGI** không thể sang Việt Nam nhưng vẫn thường xuyên liên lạc và một thời gian sau chị và anh **CHOI MOONGI** quyết định làm thủ tục đăng ký kết hôn và có Giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân do Văn phòng **quận J, thành phố S, Hàn Quốc** cấp vào ngày

07/4/2021; đã được ghi chú kết hôn số 13/TLGCKH ngày 14/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

Sau khi kết hôn, chị T có nói cho anh CHOI MOONGI biết về việc chị có con chung với người khác nên anh CHOI MOONGI rất giận dữ, dẫn đến mỗi khi liên lạc vợ chồng lại cãi vã nhau. Do xa cách về địa lý và anh CHOI MOONGI cũng không có ý định về Việt Nam. Vì vậy chị và anh CHOI MOONGI thống nhất giải quyết ly hôn.

Về con: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 16/7/2024 đã được Đ tại Hàn Quốc hợp pháp hóa lãnh sự, bị đơn là anh CHOI MOONGI trình bày: Thống nhất với chị Trần Thị Hà T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Hà T.

Về con: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị của gia đình chị Trần Thị Hà T xác nhận: Chị T và anh CHOI MOONGI xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân do Văn phòng quận J, thành phố S, Hàn Quốc cấp vào ngày 07/4/2021; được ghi chú kết hôn số 13/TLGCKH ngày 14/6/2021 của UBND huyện T. Do chị T có thai với người khác và đã sinh con trước khi kết hôn với anh CHOI MOONGI nên sau khi anh CHOI MOONGI biết được điều này thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên hai bên quyết định ly hôn. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T và anh CHOI MOONGI được ly hôn.

Về con: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn là anh CHOI MOONGI, sinh năm 1979; hiện cư trú: 588 Nojeon-ri, Gwangsi-myeon, Yesan-gun, C-do, K (Hàn Quốc) và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Hà T, hiện đang cư trú tại địa chỉ: Thôn F, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị T và anh CHOI MOONGI đều có yêu cầu đề

ngợi Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn (chị **Trần Thị Hà T**) và bị đơn (anh CHOI MOONGI) đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **T** và anh CHOI MOONGI.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh CHOI MOONGI và chị **Trần Thị Hà T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và có Giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân do Văn phòng **quận J, thành phố S, Hàn Quốc** cấp vào ngày 07/4/2021; đã được ghi chú kết hôn số 13/TLGCKH ngày 14/6/2021 của **Ủy ban nhân dân huyện T**, thành phố Hải Phòng. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị **T** và anh CHOI MOONGI là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, sau khi chị **T** và anh CHOI MOONGI kết hôn đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân là do anh CHOI MOONGI biết được việc chị **T** đã có con chung với người khác trong thời gian hai bên đang tìm hiểu nhau để đi đến hôn nhân. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không có khả năng hoà giải được. Mặt khác, anh CHOI MOONGI cũng không có ý định về Việt Nam nên chị **T** và anh CHOI MOONGI đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

[5] Xét thấy, anh CHOI MOONGI và chị **T** không còn quan tâm đến nhau và cũng không còn mong muốn chung sống với nhau. Do đó, có cơ sở để xác định cuộc sống chung giữa anh CHOI MOONGI và chị **T** không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **T**. Xử cho chị **T** được ly hôn với anh CHOI MOONGI.

[6] Về con: Anh CHOI MOONGI và chị **T** đều xác nhận không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản: Anh CHOI MOONGI và chị **T** đều xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị **T** là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh CHOI MOONGI và chị **T** có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị Hà T**, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Hà T** được ly hôn với anh CHOI MOONGI.
2. Về con: Chị **Trần Thị Hà T** và anh CHOI MOONGI không có con chung và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản: Chị **Trần Thị Hà T** và anh CHOI MOONGI không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn (chị **Trần Thị Hà T**) phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0000527, ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị **T** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị **Trần Thị Hà T** được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Anh CHOI MOONGI được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (*một*) tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Kiên